TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-PT
Ngày: 12-02-2026
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Minh Tùng**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Hằng**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 12 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp"Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung"

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Hồng S, sinh năm 1980 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giải quyết về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn D, sinh năm 1953 (Xin vắng mặt);

Cư trú tại: Số B N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: Số B N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 16-12-2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Á, thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Thị Á – Đoàn luật sư tỉnh Đ (Trước đây là Đoàn luật sư tỉnh T) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn L, sinh năm 1977(Có mặt).

Cư trú tại: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

Nơi ở hiện nay: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh L giải quyết về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1989 (Có mặt).

cư trú tại: Ấp A, xã C, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10-7-2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ A, Khóm I, phường C, tỉnh An Giang (Trước đây là: Tổ A, Khóm I, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Phan Thị Hồng S, bị đơn Đặng Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo án sơ thẩm:***

Nguyên đơn, chị Phan Thị Hồng S trình bày: Chị và anh Đặng Văn L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới vào năm 2004 nhưng đến ngày 03-10-2005 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không quan tâm, chia sẻ khó khăn với chị trong cuộc sống, tính toán chi ly về tiền bạc, làm ra tiền thì tiêu xài hết. Ngoài ra, anh L còn cờ bạc gây nợ nần và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên khi về nhà kiếm chuyện chửi mắng vợ con và đánh chị, đe dọa giết chị. Mặc dù chị đã khuyên ngăn anh L nhiều lần, chị cố gắng nhẫn nhịn nhưng hai bên không hòa giải hàn gắn được. Anh L đã ra ngoài vườn cất chòi ở riêng từ năm 2023 đến nay. Đến nay, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể đoàn tụ. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 03 con chung, gồm các cháu Đặng Phan

Ái Q, sinh ngày 07-10-2005, Đặng Phan Ái N, sinh ngày 27-11-2007 và Đặng Phan Vân N1, sinh ngày 09-12-2015. Hiện cháu Q đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết giao cho ai nuôi dưỡng, đối với cháu N chị đồng ý để cho anh L nuôi dưỡng, cháu N1 sẽ do chị nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Trong quá trình chung sống, chị và anh L được cha mẹ anh L tặng cho thửa đất 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02789 ngày 11-4-2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh L. Đối với thửa đất số 380, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.141,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02790 ngày 11-4-2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh L là tài sản do vợ chồng cùng nhận chuyển nhượng của bà Đặng Thị S1 (Hiện đã chết) là chị ruột của anh L, phần đất này bà S1 được cha mẹ cho nhưng lúc đó bà S1 chưa được đứng tên quyền sử dụng đất, nên khi làm thủ tục thì thể hiện anh L được nhận thừa kế. Hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Do đó, chị yêu cầu chia đôi hai thửa đất này, chị nhận bằng hiện vật và các cây trồng trên đất gồm 172 cây sầy riêng trị giá khoảng 172.000.000 đồng, 104 cây mít trị giá khoảng 50.000.000 đồng, 300 cây tắt trị giá khoảng 15.000.000 đồng, 15 cây quýt trị giá khoảng 10.000.000 đồng, 12 cây mai trị giá khoảng 24.000.000 đồng, 18 cây tùng trị giá khoảng 27.000.000 đồng, 02 cây dừa trị giá khoảng 2.000.000 đồng. Ngoài ra, chị còn yêu cầu chia đôi số cây trồng trên đất của anh Đặng Văn T là anh ruột của anh L cho vợ chồng chị canh tác, gồm có 62 cây sầu riêng, 60 cây mít, 15 cây tùng với tổng giá trị khoảng 70.000.000 đồng, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp).

Đối với các tài sản chung khác, chị S có yêu cầu:

+ Chia đôi 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 63P1-215.14 có giá trị khoảng 30.000.000 đồng, chị S nhận xe và hoàn giá trị cho anh L.

+ Chia đôi 01 xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 63F1-0551 có giá trị khoảng 5.000.000 đồng, chị S nhận giá trị, giao cho anh L sử dụng xe.

+ Chia đôi các tài sản trong nhà gồm: 01 Tivi 55 inch hiệu S3 có giá trị khoảng 15.000.000 đồng, 01 máy giặt Aqua có giá trị khoảng 2.000.000 đồng, 02 máy lạnh 1Hp (01 hiệu Toshiba và 01 hiệu P) có giá trị khoảng 20.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Samsung có giá trị khoảng 10.000.000 đồng. Chị S yêu

cầu nhận bằng hiện vật, hoàn giá trị cho anh L.

+ Chia đôi công sức đóng góp để xây dựng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 378 với số tiền 350.000.000 đồng, chị xin nhận giá trị 175.000.000 đồng, giao căn nhà cho anh L.

Trong quá trình hòa giải, chị S yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất 380 và tài sản trên đất; giao cho anh L toàn bộ thửa đất 378 và toàn bộ cây trồng trên các thửa đất của anh T. Giá trị chênh lệch hai bên sẽ thanh toán cho nhau theo biên bản định giá tài sản. Đối với các tài sản gồm 01 xe SH Mode 63P1-2151, 01 xe Dream 63F1-0551, 01 ti vi 55 inch, 01 máy giặt 7kg, 02 máy lạnh 1Hp, 01 tủ lạnh 560 lít các tài sản này để hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Bị đơn, anh Đặng Văn L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian chung sống, kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không thể sống cùng nhau, anh không có ngoại tình như chị S nêu. Nay anh đồng ý ly hôn với chị S.

- Về con chung, cấp dưỡng: Anh thống nhất có 03 con chung là Đặng Phan Ái Q, sinh ngày 07-10-2005, Đặng Phan Ái N, sinh ngày 27-11-2007 và Đặng Phan Vân N1, sinh ngày 09-12-2015. Anh đồng ý nuôi cháu N, đồng ý để chị S nuôi cháu N1; đối với cháu Q đã thành niên nên không yêu cầu cấp dưỡng. Anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

- Về tài sản chung:

Anh L và người đại diện theo ủy quyền là anh H không đồng ý chia đối với thửa đất 380 và 378 vì đây là tài sản do anh L nhận thừa kế của cha mẹ nên là tài sản riêng của anh L. Đối với căn nhà thờ, cha mẹ anh L để lại cho cá nhân anh L thờ cúng ông bà và các anh em anh L có công sức đóng góp xây dựng. Nay anh L chỉ đồng ý chia cho chị S 1.000.000.000 đồng, chị S phải giao toàn bộ các tài sản khác cho anh L.

Trường hợp không thỏa thuận được thì đối với cây trồng trên đất của anh T, anh L đồng ý xác định chia đôi mỗi người một nửa, trừ đi 32 cây sầu riêng của anh T đã trồng trước đó.

Đối với các tài sản gồm 01 xe SH Mode 63P1-2151, 01 xe Dream 63F1-0551, 01 ti vi 55 inch, 01 máy giặt 7kg, 02 máy lạnh 1Hp, 01 tủ lạnh 560 lít; các cây trồng gồm 12 cây mai, 18 cây tùng, 02 cây dừa, các tài sản này để hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Đặng Văn T trình bày: Anh Đặng Văn L là em của anh T, chị Phan Thị Hồng S là em dâu. Khoảng năm 2015, anh có nhờ vợ chồng anh L, chị S giữ đất dùm do anh ở xa không tiện về chăm sóc, quản lý cây trồng trên đất. Trước đó, anh đã trồng 32 cây sầu riêng đã cho trái và thu hoạch. Đối với 30 cây sầu riêng, 60 cây mít và 15 cây tùng trồng sau này anh không biết, không ý kiến. Việc chị S yêu cầu chia đôi thửa đất số 380, tờ bản đồ số 22, diện tích 1141,4m^2 và thửa đất 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02790 và CS02789 cùng ngày 11-4-2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh L, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp) cùng toàn bộ tài sản trên đất, phần này anh T không có ý kiến vì không phải là tài sản của anh. Đối với thửa đất số 380, anh T xác định đây là tài sản do chị S, anh L nhận chuyển nhượng từ bà Đặng Thị S1 là chị ruột của anh và anh L.

* Tại Bản án sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 3 Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, c khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Hồng S và anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị S, anh L.

- Giao cho chị Phan Thị Hồng S là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phan Vân N1, sinh ngày 09-12-2015.

- Giao cho anh Đặng Văn L là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phan Ái N, sinh ngày 27-11-2007.

- Chị S, anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con do hai bên chưa có yêu cầu.

- Chị S, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

- Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S về yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 xe SH Mode 63P1-2151, 01 xe Dream 63F1-0551, 01 ti vi 55 inch, 01 máy giặt 7kg, 02 máy lạnh 1Hp, 01 tủ lạnh 560 lít; các cây trồng gồm 12 cây mai, 18 cây tùng, 02 cây dừa.

3.2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị Hồng S và anh Đặng Văn L. Chia đôi 30 cây sầu riêng loại B2 có giá trị 126.000.000 đồng và 60 cây mít lại A có giá trị 124.020.000 đồng. Các cây trồng này thuộc các thửa đất 192, 300, 301, 302 cùng tờ bản đồ số 23 tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp) do anh Đặng Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Anh L được nhận bằng hiện vật và có nghĩa vụ trả giá trị cho chị S với số tiền 125.010.000 đồng.

3.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S.

- Buộc anh Đặng Văn L có nghĩa vụ chia cho chị Phan Thị Hồng S thửa đất số 380, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.141,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02790 ngày 11-4-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Nay là tỉnh Đồng Tháp) cấp cho anh L đứng tên, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp) cùng toàn bộ các cây trồng trên đất gồm: 22 cây sầu riêng loại A, 02 cây sầu riêng loại B1, 06 cây sầu riêng loại B2, 03 cây sầu riêng loại C, 20 cây tắt loại A và 15 cây quýt loại A. Chị S được nhận bằng hiện vật.

Thửa đất 380 có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 378;

+ Phía Tây giáp: Đường đất;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 133 và 135;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 379.

Có sơ đồ kèm theo.

- Buộc chị Phan Thị Hồng S chia cho anh Đặng Văn L căn nhà, mái che, chuồng gà trên thửa đất số 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02789 ngày 11-4-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Nay là tỉnh Đồng Tháp) cấp cho anh Đặng Văn L và toàn bộ cây trồng gồm 98 cây sầu riêng loại A, 26 cây sầu riêng loại B1, 15 cây sầu riêng loại C, 104 cây mít loại A và 280 cây tắt loại A. Anh L được nhận bằng hiện vật.

- Anh Đặng Văn L có nghĩa vụ hoàn trả tiền chênh lệch cho chị S với số tiền 760.101.000 (Bảy trăm sáu mươi triệu một trăm lẻ một nghìn) đồng (Đã bao gồm số tiền 125.010.000 đồng là giá trị cây trồng trên đất của anh Đặng Văn T nêu trên).

- Chị S được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 380 nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Chị S được quyền lưu cư 06 (Sáu) tháng tại căn nhà trên thửa đất 378 nêu trên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

***** Ngày 29/8/2025, bị đơn Đặng Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp Phúc thẩm: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ- ST ngày 19/8/2025 theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ngày 05/9/2025, ông Lê Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Hồng S có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp Phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền vào lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị S phát biểu và đề nghị: Đối với thửa đất 380 thủ tục ông L đứng tên quyền sử dụng đất là thừa kế, nhưng thực tế là vợ chồng chuyển nhượng của bà S1 là chị ruột của ông L chứng cứ chứng minh là hai biên nhận ngày 24/01/2013 và 07/4/2013 và lời trình bày của ông Đặng Văn T là anh ruột của ông L. Đối với thửa đất số 378 tại phiên tòa chính ông L thừa nhận đã được cha mẹ cho khi còn sống nhưng chưa làm thủ tục, khi cha mẹ chết ông L đi làm thủ tục đứng tên là thừa kế. Từ khi

chung sống vợ chồng thì bà S đã trực tiếp sinh sống tại thửa đất 378 trồng cây và cất lại nhà, do đó khi ly hôn cần chia cho chị S công sức tương đương với diện tích 2000m^2 bằng giá trị là có căn cứ. Đối với nhà và cây trồng tại thửa đất 380, 378 đây là tài sản được tạo ra trong thời kỳ hôn nhân, ông L không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là tài sản riêng. Do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị S chia cho chị S giá trị 2000m^2 đất tại thửa 378, ngoài ra án sơ thẩm tính phần tiền chênh lệch mà ông L trả cho chị S phải là 885.103.000 đồng mới đúng. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung vụ án: Đối với thửa 380 có đầy đủ cơ sở xác định là của vợ chồng chuyển nhượng của bà S1, án sơ thẩm xác định là tài sản chung của vợ chồng bà S, ông L và chia tài sản chung là có căn cứ. Đối với thửa đất 378 ông L đều thừa nhận là được cha mẹ cho trước khi cha mẹ chết, cho chung với các anh chị em, tất cả các anh chị em đã làm thủ tục cấp giấy, riêng ông L chưa làm, đến khi cha mẹ chết thì mới đi làm thủ tục thừa kế. Năm 2004 sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại thửa đất 378, đến năm 2009 cất lại nhà, trồng cây, nên có căn cứ xác định thửa đất 380, 378 là tài sản chung vợ chồng và bà S yêu cầu chia diện tích 2000m^2 là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Hồng S và anh Đặng Văn L tranh chấp về ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung là đúng quy định tại Điều 51, 59 Luật hôn nhân và gia đình; anh L cư trú tại ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Đặng Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[3] Đơn kháng cáo nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc S2 và anh Đặng Văn L đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 29/8/2025, bị đơn Đặng Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp Phúc thẩm: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ- ST ngày 19/8/2025 theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Đặng Văn L yêu cầu xác định thửa dất 380 là tài sản của riêng anh L được cha mẹ để lại thừa kế, toàn bộ nhà và cây trồng trên thửa đất 378 là của riêng anh không phải là của chung vợ chồng nên không đồng ý chia.

* Ngày 05/9/2025, ông Lê Văn D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Hồng S có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân cấp Phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị S yêu cầu xác định thửa đất 378 là tài sản chung của vợ chồng và chia cho chị bằng giá trị diện tích đất 2.000m^2 và tính lại giá trị chênh lệch mà anh L phải hoàn cho chị là 885.103.300 đồng chứ không phải là 760.101.000 đồng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm chị S và anh L thống nhất với biên bản định giá ngày 31/7/2024, kết quả đo đạc ngày 03/4/2024.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng S đối với yêu cầu chia cho chị diện tích 2000m^2 của thửa đất 378:

Anh Đặng Văn L được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02789 ngày 11-4-2019 và thửa đất số 380, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.141,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02790 ngày 11-4-2019. Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho anh L đứng tên. Về nguồn gốc thửa đất 378 và 380 là do anh L nhận thừa kế từ cha mẹ ruột là ông Đặng Văn N2, bà Nguyễn Thị T1. Chị S và anh L đều không có ý kiến gì về thủ tục thừa kế. Khi anh L đi làm thủ tục đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thừa kế thì chị S không có ý kiến khiếu nại. Chị S cũng không có chứng cứ gì chứng minh thửa đất 378 được cha mẹ chồng tặng cho chung cho vợ chồng chị. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm thì anh L thừa nhận anh được cha mẹ cho đất khi cha mẹ còn sống, cho cùng với các anh chị em khác. Các anh chị em đều đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng anh chưa làm thủ tục đến khi cha mẹ chết anh mới làm thủ tục thừa kế và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ năm 2005 khi chung sống vợ chồng với anh L, thì vợ chồng chị S trực tiếp chung sống và canh tác thửa đất 378, đến năm 2009 cất lại nhà, năm 2015 cải tạo vườn trồng lại sầu riêng. Từ năm 2005 cho đến nay chị S đã trực tiếp canh tác có nhiều công sức chăm sóc, quản lý, giữ gìn, tôn tạo mới có giá trị như hiện nay. Do đó khi ly hôn chia cho chị S công sức chăm sóc,

quản lý, giữ gìn, tôn tạo bằng 30% diện tích đất tại thửa 378 là phù hợp với quy định tại Điều 61 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay chị S với anh L đã ly hôn, nên việc chia 30% bằng hiện vật cho chị S tại thửa đất 378 sẽ gây khó khăn cho chị S trong việc quản lý canh tác. Tại phiên tòa chị S yêu cầu chia cho chị diện tích 2.000m^2 tại thửa 378 tương đương 30% bằng giá trị là có căn cứ được chấp nhận.

Theo kết quả định giá ngày 31/7/2024 thì giá đất thực tế chuyển nhượng tại địa phương thửa 378 là 497.000 đồng/m^2, giá trị 2000m^2 x 497.000 đồng = 994.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu của chị S yêu cầu xem xét lại số tiền anh L có nghĩa vụ hoàn lại cho chị S án sơ thẩm có sự tính nhầm. Chị S, anh L thống nhất thỏa thuận anh L sẽ tiếp tục quản lý sử dụng cây trồng trên đất anh T và hoàn trả cho chị S ½ giá trị với số tiền 125.010.000 đồng, nhưng số tiền trên án sơ thẩm chưa cộng vào phần giá trị anh L phải hoàn cho chị S. Tổng cộng số tiền nếu tính anh L có nghĩa vụ hoàn chênh lệch cho chị S bao gồm ½ giá trị cây trồng trên đất của anh T phải là 885.111.300 đồng mới chính xác.

[8] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh L xác định thửa đất 380 là tài sản của riêng anh được thừa kế từ cha mẹ: Chị S có ý kiến đây là tài sản nhận chuyển nhượng của chị anh L là bà Đặng Thị S1 (Hiện đã chết), bà S1 cũng được cha mẹ tặng cho nhưng chưa sang tên, nên khi vợ chồng chị S nhận chuyển nhượng thì anh L đứng ra làm thủ tục thừa kế. Mặc dù theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L thể hiện anh L nhận thừa kế từ ông N2, bà T1 nhưng anh L cũng thừa nhận rằng chữ ký trong 02 biên nhận (Bút lục 04, 05) là của anh, biên nhận thể hiện trước đây vợ chồng có làm thủ tục mua của chị ruột là bà Đặng Thị S1 1.000m^2 và anh L có giao tiền cho bà S1 có sự chứng kiến của ông Trần Văn T2. Ông T2 xác nhận anh L có nhận chuyển nhượng đất của bà S1. Anh L và người đại diện theo ủy quyền cho rằng sau đó việc chuyển nhượng với bà S1 không được thực hiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Anh Đặng Văn T là anh ruột của anh L xác định thửa đất 380 hiện nay là do vợ chồng anh L nhận chuyển nhượng từ bà S1. Theo bản bản tự khai ngày 14-02-2025 ghi tên anh Đặng Văn T, nội dung văn bản này anh T cho rằng thửa đất 380 do anh L thừa kế riêng và 40 cây sầu riêng 01 năm tuổi, 60 cây mít và 15 cây tùng là tải sản riêng của anh L, nhưng bản khai này là do anh Nguyễn Thanh H giao nộp nên chỉ có giá trị tham khảo. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của anh T tại Biên bản ghi lời khai ngày 05-5-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang được thực hiện

theo trình tự luật định, theo đó anh T đã xác nhận thửa đất 380 là của anh L, chị S nhận chuyển nhượng từ bà S1. Do đó, có đủ cơ sở để xác định thửa đất số 380 là tài sản chung của vợ chồng chị S, anh L nhận chuyển nhượng từ bà S1, nhưng do bà S1 được cha mẹ tặng cho chưa sang tên nên anh L đứng ra làm giấy tờ theo thủ tục thừa kế. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh L không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh L xác định nhà và cây trồng trên thừa đất 378 là của riêng anh: Đối với các cây trồng trên đất và căn nhà trên đất, anh L, chị S đều thống nhất các ảnh cưới do chị S cung cấp là chụp tại nhà anh L. Thời điểm đó, căn nhà hiện nay chưa được xây dựng và vườn cây là cây nhãn. Do đó, việc chị S cho rằng sau khi cưới thì vợ chồng mới xây nhà, trồng lại vườn sầu riêng là có căn cứ. Phía anh L cho rằng, trước khi chị S về chung sống thì trong vườn đã có cây sầu riêng và cha mẹ, các anh chị em của anh có phụ tiền cất nhà nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Tại khoản 3 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung."*. Vì thế, Hội đồng xét xử xác định các cây trồng trên thửa đất 378 và 380 cùng căn nhà cất trên thửa đất 378 là tài sản chung của vợ chồng chị S, anh L nên chị S yêu cầu chia là có căn cứ. Do đó yêu cầu kháng cáo của anh L không có căn cứ để chấp nhận.

[10] Vật kiến trúc trên thửa đất 378 gồm căn nhà có giá trị 477.313.974 đồng, mái che có giá trị 29.046.125 đồng, chuồng gà có giá trị 530.974 đồng. Cây trồng trên thửa đất 378 gồm: Sầu riêng loại A: 98 cây x 12.951.000 đồng/cây = 1.269.198.000 đồng; Sầu riêng loại B1: 26 cây x 11.018.000 đồng/cây = 286.468.000 đồng; Sầu riêng loại C: 15 cây x 500.000 đồng/cây = 7.500.000 đồng. Mít loại A: 104 cây x 2.067.000 đồng/cây = 214.968.000 đồng; Tắt loại A: 280 cây x 585.000 đồng/cây = 163.800.000 đồng. Tổng giá trị cây trồng: 1.941.934.000 đồng.

Cây trồng trên thửa đất 380 gồm có: Sầu riêng loại A: 22 cây x 12.951.000 đồng/cây = 284.922.000 đồng; Sầu riêng loại B1: 02 cây x 11.018.000 đồng/cây = 22.036.000 đồng; Sầu riêng loại B2: 06 cây x 4.200.000 đồng/cây = 25.200.000 đồng; Sầu riêng loại C: 03 cây x 500.000 đồng/cây = 1.500.000 đồng; Tắt loại A: 20 cây x 585.000 đồng/cây = 11.700.000 đồng; Quýt loại A: 15 cây x 1.066.000 đồng/cây = 15.990.000 đồng. Tổng giá trị cây trồng: 361.348.000 đồng.

Giá trị đất thửa 380: 497.000 đồng/m^2 x 1141,4m^2 = 567.275.800 đồng.

Giá trị đất thửa 378: 497.000 đồng/m^2 x 6680,3m^2 = 3.320.109.100 đồng.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chia cho chị S, anh L mỗi người được ½ tài sản, anh L nhận hiện vật phần có giá trị lớn hơn nên có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho chị S phần chênh lệch. Chị S được chia thửa đất 380 và các tài sản trên đất có giá trị 928.623.800 đồng (Tính tròn là 928.623.000 đồng). Anh L được chia căn nhà, mái che, chuồng gà và cây trồng trên đất có giá trị 2.448.825.073 đồng và giá trị ½ cây trồng trên đất anh T là 250.020.000 đồng, tổng cộng là 2.698.845.073 đồng (Tính tròn là 2.698.845.000 đồng). Tổng tài sản của vợ chồng có giá trị 3.627.468.000 đồng (Làm tròn). Do mỗi người được chia ½, phần của mỗi người được hưởng có giá trị 1.813.734.000 đồng, nên anh L có nghĩa vụ trả giá trị chênh lệch cho chị S là 885.111.000 đồng và giá trị 2.000m^2 thửa 378 là 994.000.000 đồng. Tổng cộng anh L phải hoàn lại cho chị S là 1.879.111.000 đồng.

[11] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[12] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị S có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Án phí các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Phan Thị Hồng S.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Đặng Văn L.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 3 Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

điểm a, c khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Hồng S và anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị S, anh L.

- Giao cho chị Phan Thị Hồng S là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phan Vân N1, sinh ngày 09-12-2015.

- Giao cho anh Đặng Văn L là người được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Phan Ái N, sinh ngày 27-11-2007.

- Chị S, anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con do hai bên chưa có yêu cầu.

- Chị S, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

- Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S về yêu cầu chia các tài sản gồm: 01 xe SH Mode 63P1-2151, 01 xe Dream 63F1-0551, 01 ti vi 55 inch, 01 máy giặt 7kg, 02 máy lạnh 1Hp, 01 tủ lạnh 560 lít; các cây trồng gồm 12 cây mai, 18 cây tùng, 02 cây dừa.

3.2. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị Hồng S và anh Đặng Văn L. Chia đôi 30 cây sầu riêng loại B2 có giá trị 126.000.000 đồng và 60 cây mít lại A có giá trị 124.020.000 đồng. Các cây trồng này thuộc các thửa đất 192, 300, 301, 302 cùng tờ bản đồ số 23 tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp) do anh Đặng Văn T đứng tên quyền sử dụng đất. Anh L được nhận bằng hiện vật và có nghĩa vụ trả giá trị cho chị S với số tiền 125.010.000 đồng.

3.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng S.

- Buộc anh Đặng Văn L có nghĩa vụ chia cho chị Phan Thị Hồng S thửa đất số 380, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.141,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02790 ngày 11-4-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T

(Nay là tỉnh Đồng Tháp) cấp cho anh L đứng tên, đất tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp) cùng toàn bộ các cây trồng trên đất gồm: 22 cây sầu riêng loại A, 02 cây sầu riêng loại B1, 06 cây sầu riêng loại B2, 03 cây sầu riêng loại C, 20 cây tắt loại A và 15 cây quýt loại A. Chị S được nhận bằng hiện vật.

Thửa đất 380 có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Thửa đất số 378;

+ Phía Tây giáp: Đường đất;

+ Phía Nam giáp: Thửa đất số 133 và 135;

+ Phía Bắc giáp: Thửa đất số 379.

Có sơ đồ kèm theo.

- Buộc chị Phan Thị Hồng S chia cho anh Đặng Văn L căn nhà, mái che, chuồng gà trên thửa đất số 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02789 ngày 11-4-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Nay là tỉnh Đồng Tháp) cấp cho anh Đặng Văn L và toàn bộ cây trồng gồm 98 cây sầu riêng loại A, 26 cây sầu riêng loại B1, 15 cây sầu riêng loại C, 104 cây mít loại A và 280 cây tắt loại A. Anh L được nhận bằng hiện vật.

- Buộc anh Đặng Văn L chia cho chị Phan Thị Hồng S giá trị 2000m^2 đất tại thửa đất số 378, tờ bản đồ số 22, diện tích 6.880,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02789 ngày 11-4-2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T (Nay là tỉnh Đồng Tháp) cấp cho anh Đặng Văn L với số tiền là 994.000.000 đồng.

- Anh Đặng Văn L có nghĩa vụ hoàn trả tiền chênh lệch cho chị Phan Thị Hồng S là 885.111.000 đồng và giá trị 2.000m^2 thửa 378 là 994.000.000 đồng. Tổng cộng anh L phải hoàn lại cho chị S là 1.879.111.000 đồng.

- Chị S được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 380 nêu trên theo quy định của pháp luật.

- Chị S được quyền lưu cư 06 (Sáu) tháng tại căn nhà trên thửa đất 378 nêu trên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Đặng Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Phan Thị Hồng S số tiền 3.715.500 (Ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn năm trăm) đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

Chị Phan Thị Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí có giá ngạch trên số tài sản được chia có giá trị 2.807.734.000 đồng, tương đương số tiền 88.154.680 đồng (Tính tròn là 88.154.000 đồng). Tổng cộng là 88.454.000 đồng, được trừ vào 18.690.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002903 ngày 04-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 69.764.000 đồng.

Anh Đặng Văn L phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia là 1.813.734.000 đồng, tương ứng với số tiền 66.412.020 đồng (Tính tròn là 66.412.000 [Sáu mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn] đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Án tuyên vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 12/02/2026 có mặt đại diện ủy quyền bị đơn, bị đơn anh L, đại diện Viện kiểm sát.

***Nơi nhận**:*
- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 4- Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền ;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền